

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày: 27-9-2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Trần Kim Chi**.

+ Ông **Nguyễn Chí Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2021/HSST ngày 05 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Lê Chí Q, sinh năm 1997, tại Tiền Giang; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T; Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn S, sinh năm 1967 và con bà: Nguyễn Thu T, sinh năm 1966. Cùng ngụ tại: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T; Anh, chị ruột có 03 người: lớn nhất sinh năm 1984; nhỏ nhất sinh năm 1989; Vợ: Trần Đình Cẩm G, sinh năm 2000; Con: 01 con sinh năm 2020. Ngày 15/7/2021 bị Công an huyện Gò Công Tây xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định số 209/QĐ-XPHC; Tiền án: 01 Ngày 04/9/2018 bị Tòa án nhân dân Quận A, thành phố H tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 70/2018/HSST ngày 04/9/2018, Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/8/2019; Tiền sự: 01, Ngày 06/01/2021 bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện G ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 03 tháng theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND xã B; Bị cáo bị bắt tạm giữ vào ngày 20/4/2021 đến ngày 22/04/2021 chuyển tạm giam đến ngày 05/8/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại: Bùi Thanh S, sinh năm 1990 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên bị cáo Lê Chí Q nảy sinh ý định đi đến khu vực đám tang của người cậu bà con của bị cáo trộm cắp xe mô tô của người đi đám tang để bán. Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/4/2021, bị cáo một mình đi bộ đến sân nhà của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940, thuộc ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T, bị cáo nhìn thấy trong sân có khoảng 03 đến 04 xe mô tô hai bánh không người trông coi. Bị cáo đi vào lấy trộm chiếc xe mô tô hai bánh hiệu Honda, loại Winner, biển số 63B7- 377.18 (xe không khoá cở) của anh Bùi Thanh S, sinh năm 1990, ngụ ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T rồi dẫn bộ ra đường tìm nơi tiêu thụ. Sau đó, bị cáo điện thoại cho Nguyễn Thế V (tên thường gọi là Tý Pháo B), sinh năm 1987, ngụ cùng ấp nói xe bị hết xăng và nhờ V đến đẩy xe mô tô vừa trộm được đến tiệm bán cá (không rõ biển hiệu) thuộc phường A, thị xã G thì V đồng ý. Khoảng 15 phút sau, V không đến mà có người thanh niên tên T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể là bạn của V) đến đẩy xe mô tô giúp cho bị cáo.

Khi T đẩy xe cùng bị cáo đến gặp V, bị cáo nhờ V đi cầm xe mô tô 63B7-377.18 thì V đồng ý, V kêu Tùng cùng một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đem xe đi cầm cho Lưu Toàn T (tên thường gọi là T), sinh năm 1987, cư trú ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh T, còn bị cáo thì đến khách sạn B, địa chỉ số 862 Thủ Khoa H, khu phố B, phường C, thị xã G, Tỉnh T để ngủ.

Sau khi bị mất xe, anh Bùi Thanh S có nhờ anh Bùi Hữu N, sinh năm 1999, ngụ cùng ấp (là cháu của anh S) để tìm lại xe bị mất, nên anh N đã liên lạc với Nguyễn Thế V (do có quan hệ họ hàng) tìm xe giúp, V đồng ý. Sau đó, V liên hệ với N nói đã tìm được xe và nhận lời chuộc xe giùm với số tiền 3.500.000 đồng, anh S đồng ý và hẹn gặp mặt tại thị xã G để giao tiền. Tuy nhiên, khi gặp mặt V đòi anh S đưa số tiền 8.000.000 đồng thì mới giúp chuộc xe, nên anh S không đồng ý, đồng thời trình báo Công an thị xã G.

Sau khi anh S trình báo, Công an thị xã G đề nghị anh S phối hợp với Công an thị xã G, đồng ý giao số tiền 8.000.000 đồng cho V để chuộc xe nhằm

truy xét các đối tượng có liên quan. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/4/2021 anh S giao tiền cho V tại Chợ L, thuộc xã L, thị xã G. V nhận tiền, rồi đưa số tiền 8.000.000 đồng cho Võ Hồng T (tên thường gọi T), sinh năm 1987, cư trú ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T nhờ T đi gặp T để chuộc xe, thì T đồng ý. T điện thoại cho T hẹn gặp gần Ủy ban nhân dân xã T, huyện G để chuộc xe, rồi T cùng một người thanh niên (chưa rõ nhân thân) đến gặp T, khi chuộc xe thì xe 63B7-377.18 đã bị mất dàn áo và gắn biển số 63B8- 010.36 Sau đó, T điều khiển xe gắn biển số 63B8- 010.36 chạy về thị xã G, khi đến địa phận thuộc xã T, thị xã G thì bị Công an thị xã G phát hiện tạm giữ cùng tang vật.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 20/4/2021, bị cáo đi đến khu vực gần Nhà Văn hóa phường B, thị xã G để gặp Võ Hồng T (do T điện thoại) thì bị lực lượng Công an thị xã G mời về trụ sở Công an phường B, thị xã G làm việc, qua làm việc bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 63B7-377.18 của anh S, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G lập hồ sơ và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận trước đó còn thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô khác, 01 vụ ở địa bàn huyện G, 02 vụ ở địa bàn thị xã G, cụ thể như sau:

- Vào ngày 12/11/2020, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 63F7-4108 của ông Đặng Văn S, sinh năm 1964, cư trú ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T, sau đó đem bán cho Võ Hồng T (tên thường gọi T) được số tiền 900.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

- Vào ngày 22, 23/02/2021 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 63B6-07088 của anh Lê Văn H, sinh năm 1970 và chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 63X1-9163 của bà Phạm Thị L, sinh năm 1965 cùng ngụ ấp G, xã L, thị xã G, sau đó đem bán được tổng số tiền 3.800.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích, nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động người thân bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh không biển số, nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu sơn xanh tím, số máy KC26E1132426, số khung RLHKC2600GY096548. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh S;

- 01 (một) điện thoại Starlight; màu xanh; IMEI1: 863906045151408; IMEI2: 863906045151416; số sim 0395343887. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo;

- 01 (một) điện thoại Iphone 6 Plus; màu hồng; IMEI1: 358606075189540; số sim 0878066854 quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của chị Trần Đình Cẩm G, sinh năm 2000, cư trú ấp N, xã L, huyện G, tỉnh T (là vợ của bị cáo) không liên đến việc phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị G;

- 01 (một) biển số kiểm soát 63B8-010.36 quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc, chủ sở hữu của phương tiện có liên quan đến biển kiểm soát nêu trên. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiếp tục tạm giữ để làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

- 01 (một) điện thoại Nokia, màu xanh đen, số IMEI: 358965052268036; số sim 0988466487;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 22/04/2021 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 63B7-377.18, nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu sơn xanh tím, số máy KC26E1132426, số khung RLHKC2600GY096548, xe đăng ký lần đầu năm 2017 có giá trị là 19.900.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33 ngày 23/06/2021 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 (một) xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu FUGIAR; chủng loại nữ, màu sơn nâu, số máy FM*00569726*, số khung FGW2020726; biển kiểm soát 63F7-4108; đăng ký lần đầu năm 2008 có giá trị 700.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: đã bồi thường xong.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSGCT ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Chí Q từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù được tính từ ngày 20/4/2021, hình phạt bổ sung: không; các biện pháp tư pháp: không.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại hiệu Nokia, màu xanh đen, số IMEI 358965052268036; tịch thu tiêu hủy sim số 0988466487;

- Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.
- Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi tội của bị cáo là đúng như trong bản cáo trạng đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người bị hại Bùi Thanh S vắng mặt, tuy nhiên anh S đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của anh S tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại nêu trên là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/4/2021, tại hộ bà Nguyễn Thị N ngụ ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T, bị cáo Lê Chí Q thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh biển số kiểm soát 63B7-377.18 có giá trị là 19.900.000 đồng của anh Bùi Thanh S. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, theo quy định của pháp luật.

Đối với vụ trộm cắp xe mô tô biển số 63F7-4108 của ông Đặng Văn S vào ngày 12/11/2020, do giá trị chiếc xe mô tô trên tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 700.000 đồng (chưa đủ định lượng) và trước đó bị cáo chưa có tiền án, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiến hành xử phạt hành chính đối với bị cáo là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Thế V; Lưu Toàn T; người thanh niên có tên thường gọi là T (không rõ họ tên, địa chỉ); người thanh niên đi cùng T (chưa xác định được

nhân thân). Qua xác minh các đối tượng trên bỏ địa phương đi đâu không rõ và không xác định được nhân thân địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa tiến hành làm việc được, nên chưa đủ căn cứ xác định vai trò trong vụ án của các đối tượng trên để xử lý. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tiến hành điều tra làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với 02 vụ trộm cắp xe mô tô mà bị cáo thực hiện ở địa bàn thị xã G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G thụ lý giải quyết theo thẩm quyền, nhưng đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G chưa tiến hành khởi tố vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không tiến hành nhập vụ án để giải quyết được.

Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Chí Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng do lỗi cố ý. Do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là: “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã từng bị xử phạt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại hiệu Nokia, màu xanh đen, số IMEI 358965052268036; tịch thu tiêu hủy sim số 0988466487;

[9] Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

[10] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 136, các Điều 106, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Chí Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Chí Q 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 20/4/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại hiệu Nokia, màu xanh đen, số IMEI: 358965052268036; tịch thu tiêu hủy sim số 0988466487;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện G).

3. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Chí Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh TG;
- VKSND H.Gò Công Tây;
- CQĐT, CQ THAHSCA H. Gò Công Tây;
- Nhà tạm giữ CAH.Gò Công Tây;
- CC.THADS H.Gò Công Tây;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

Đặng Thị Thanh Trinh

